TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/HS-ST.
Ngày: 29-09-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Ông Trần Trọng Phú.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nông Đinh Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/HSST ngày 08 tháng 08 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 08 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/HSST-QĐ ngày 22 tháng 08 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. N, sinh năm 1988 tại Đồng Nai; CCCD số 0750880222116 ngày cấp 15/08/2022; nơi cư trú: tổ B, ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H và bà C; bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/08/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" tải Bản án số 241/2005/HSST (chấp hành xong 26/06/2008), năm 2009 bị UBND huyện T đưa đi cai nghiện từ ngày 15/05/2009 đến ngày 14/05/2011; bị cáo cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. H (Bé Ba), sinh năm 1993 tại Đồng Nai; CCCD số 075193023979 cấp ngày 01/09/2021; nơi cư trú: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông S (chết) và bà N; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. **T (Tý)**, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; CCCD số 075093018101 cấp ngày 09/08/2021; nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa

xe; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông K và bà M; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. **X**, sinh năm 1964 tại Bình Định; CCCD số 052064015463 cấp ngày 18/08/2022; nơi đăng ký thường trú: Tổ M, ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A (chết) và bà G; bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

5. **M**, sinh năm 1968 tại Bình Định; CCCD số 075168013566 ngày 09/08/2021; nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A (chết) và bà G; bị cáo có chồng và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Người làm chứng: Ông **T**, sinh năm 1977, nơi cư trú: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người làm chứng: Chị **N**, sinh năm 1980, nơi cư trú: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người làm chứng: Chị **N**, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông **C**, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà **L**, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà **U**, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà **H**, sinh năm 2002, địa chỉ: Ấp X, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà **Y**, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người làm chứng: Bà **V**, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà **M**, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người làm chứng: Bà **P**, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

T và H, sinh năm 2002, trú tại khu X, thị trấn T, huyện T trước đây có quan hệ tình cảm với nhau, sau đó, chia tay nhưng hai bên thường xuyên lên mạng xã hội nói xấu nhau. Hạnh và gia đình có đến nhà T 02 lần để gây sự, chửi nhau gây mất an ninh trật tự địa phương nhưng T và gia đình không trình báo chính quyền địa phương. Khoảng 20 giờ ngày 08/07/2024, H (là chị gái của H) đang đi trên đường hẻm 240 thuộc ấp B, xã P thì xảy ra xô xát và với những người trong gia đình T gồm X (là cậu của T), N (là dì của T), N (là em họ của T). H gọi điện thoại cho T (là anh rể của H) nói bị người nhà T đánh ở ngoài đường hẻm 240. Cùng lúc này, có chị Y đi ngang hẻm 240 thấy H và người nhà T đang cãi vã, xô xát nên về nói cho N (là chồng của H) biết sự việc. Lúc này N đang cởi trần, nghe vậy thì mượn xe của chị N đi đến nhà của T tại ấp B, xã P để hỏi rõ sự việc. Khi đi đến khu vực trước Hồ bơi M (thuộc ấp B, xã P) thì gặp H đang chạy về, H nói với N là mới bị gia đình T đánh ngoài kia nên N chạy tới nhà T để hỏi sự việc, H cũng chạy theo sau T. Khoảng 20 giờ 30 phút, khi đến trước cửa nhà Tâm thì có Tâm, M (là mẹ của Tâm), X, M (vợ ông Xuân), N và N đang ngồi trước nhà. Sau đó giữa N, H xảy ra xô xát, giằng co với T, X, M trước cửa nhà T. T chạy đến can ngăn. Hai bên xô xát, giằng co khoảng 10 phút thì dừng lại, N và H lấy xe mô tô bỏ về nhà sau đó đến Công an xã P trình báo sự việc rồi đến Bệnh viện Đa khoa khu vực T khám và điều trị thương tích. Quá trình điều tra, N khai báo: bị Tâm cầm 01 cây sắt tròn màu trắng (ống sắt của cây dù đứng) và X cầm 01 cây sắt vuông đánh 03-04 cái, N đưa tay lên đỡ nên bị thương tích ở tay. Tuy nhiên, T và X không thừa nhận việc đánh N. Chỉ có lời khai T, không có nhân chứng nào khác nhìn thấy và khu vực đánh nhau không có camera.

Làm việc với T khai báo: Trong lúc T và N giằng co thì thấy X cầm cây sắt vuông nhỏ đánh N. Khi hai bên được can ngăn, N và H lên xe chuẩn bị đi về thì bà M cầm 01 cây sắt vuông nhỏ đánh 01 cái trúng lưng của H. Làm việc bà M thừa nhận có cầm 01 cây tre dài khoảng 01m, đường kính khoảng 1,5cm đánh H (bà Mai không xác định được đánh trúng bộ phận nào).

Làm việc người nhà của T gồm: N, N, M khai báo: Không có ai đánh N và H.

Làm việc với những người hàng xóm xung quanh nhà T gồm: Đỗ Thị U, L, C, P, khai báo: Đều biết sự việc đánh nhau nhưng không chứng kiến được người nào cầm hung khí gây thương tích cho N và H. Những người hàng xóm đều nghe sự việc đánh nhau ồn ào, mất an ninh trật tự khu dân cư, đề nghị Cơ quan Công an giải quyết dứt điểm để bà con hàng xóm được yên ổn. Vụ việc gây thương tích không có camera ghi lại, những người làm chứng có mặt tại hiện trường đều khai báo có lợi cho phía bên gia đình mình. Chi thu giữ được cây tre bà M dùng để đánh H, không thu giữ được ống sắt dù và cây sắt vuông như N khai.

Sau khi sự việc xảy ra, Uỷ ban nhân dân xã P đã có văn bản số 658/UBND-VP ngày 17/10/2024 đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương: Vụ việc đã gây ra sự hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất đi sự bình yên, ổn định của khu dân cư. UBND xã P đánh giá

tính chất, mức độ của sự việc trên đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 0913/KLTTCT-TTPYĐN ngày 04/09/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đối với N kết luận: Gãy 1/3 dưới xương trụ trái, can tốt, không lệch trục. Tỷ lệ: 08%.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 0914/KLTTCT-TTPYĐN ngày 04/09/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đối với H kết luận: Vết biến dối sắc tố da mu bàn ngón I bàn tay trái. Tỷ lệ: 01%.

Tại bản kết luận giám định cơ chế tổn thương qua hồ sơ số 1198/KLGĐCC- TTPYDDN ngày 14/11/2024 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận: Cơ chế hình thành vết thương và vật gây thương tích của N: đau cẳng tay trái, gãy 1/3 dưới xương trụ trái. Tổn thương này do vật tày tác động vào vùng cẳng tay trái với lực mạnh gây nên. Không có đủ cơ sở để xác định được chiều hướng tác động cụ thể.

Tại bản kết luận giám định cơ chế tổn thương qua hồ sơ số 1199/KLGĐCC- TTPYDDN ngày 14/11/2024 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận: Cơ chế hình thành vết thương của H: xây xát ngoài da bàn tay trái, vận động bàn - ngón tay trái bình thường. Tổn thương này do vật tày tác động vào vùng mu bàn ngón I bàn tay trái với lực nhẹ hướng từ sau ra trước theo tư thế giải phẫu gây nên.

Vật chứng thu giữ: 01 cây tre dài khoảng 1m, đường kính khoảng 1.5cm.

Tại Cáo trạng số: 88/CT-VKSLT ngày 20 tháng 03 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện T(nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai) đã truy tố các bị cáo N, H, T, M và X về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi gây thương tích, Cơ quan Công an huyện Tđã ra quyết định tách vụ án hình sự số 728/QĐ-QĐSHS ngày 28/02/2025 để tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo N, H, T, M và X phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt các bị cáo T, M, X, H 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyên 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cây tre dài khoảng 1m, đường kinh khoảng 1.5cm.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình mặc dù xác định hành vi mô tả trong bản cáo trạng chưa sát với thực tế diễn biến sự việc nhưng không có ý kiến bào chữa gì thêm. Đồng thời, trong lời nói sau cùng, các bị cáo cũng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng và làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về tính hợp pháp của các chứng cứ nên những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình mặc dù xác định hành vi mô tả trong bản cáo trạng chưa sát với thực tế diễn biến sự việc nhưng không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc gây rối nơi công cộng, làm ảnh hưởng xấu an ninh trật tự tại địa phương là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ vào Văn bản đánh giá an ninh trật tự của UBND xã P, ý kiến của những hộ dân xung quanh nơi xảy ra sự việc cùng những chứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo N, H, T, M, X phạm tội "Gây rối trậy tự công cộng" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy:

[3.1] Bị cáo H, T, M, X có nhân thân tốt. Bị cáo N có nhân thân xấu, có 01 bị kết án và đã được xóa án tích.

[3.2] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.3] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H, T, M, X có tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn, trong đó vai trò của các bị cáo đều là vì mâu thuẫn cá nhân nên đã gây gổ, xô xát gây mất an ninh trật tự tại nơi công cộng. Do đó, cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe phòng ngừa tội phạm.

[5] Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cây tre dài khoảng 1m, đường kinh khoảng 1.5cm.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hành vi tố tụng, thẩm quyền tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Qua quá trình điều tra và truy tố, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điể s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo N phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Xử phạt bị cáo N 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo H, T, X, M phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Xử phạt bị cáo H 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo T 5.000.000đ (năm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo X 5.000.000đ (năm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo M 5.000.000đ (năm triệu) đồng.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu, tiêu hủy 01 cây tre dài khoảng 1m, đường kính khoảng 1.5cm.

(Toàn bộ vật chứng đang tạm giữ tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/03/2025).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- Bị cáo;
- VKS ND cùng cấp;
- VKS ND cấp trên;
- CQ CSĐT;
- THA DS;
- PV06;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Nam